

GPC than c c d u m graphit h ó a

GPC cho nhu c u carbon c nh cao, l u hu nh th p và c h t n nh.

Product specification sheet

Overview

GPC bao g m v t li u graphit h ó a v à b á n graphit h ó a trong c ù ng m t nh ó m s n ph m c ô ng kh ai, x á c nh n theo l ô v à ch ti ê u.

Key specifications

T ng quan	GPC than c c d u m graphit h ó a
Ch ti ê u ch í nh	Carbon c nh, l u hu nh, tro, m, ch t b c, c h t
Tr ng RFQ	T ê n s n ph m, ch ti ê u m c ti ê u, s l ng, ó ng g ó i, i m n and contact details.

Applications

- RFQ v t li u carbon
- Ch ti ê u ch í nh
- Y ê u c u b á o gi á

RFQ checklist

T ê n s n ph m
 Carbon c nh
 L u hu nh
 Tro
 m
 Ch t b c
 C h t
 S l ng
 ó ng g ó i
 i m n

Specification notes and batch confirmation

Technical purchasing fields

- Specifications: Carbon c nh, l u hu nh, tro, m, ch t b c, c h t or dimensions
- Typical carbon material ranges: CPC c h t 0-1 mm / 1-5 mm / 0-2 mm / 0-8 mm / 8-30 mm / 0-5 mm; GPC c h t 0-5 mm / 1-5 mm / 0-10 mm; petroleum coke l u hu nh 2-5%, tro <0.5%, VM 8-12%, m 8-9%
- Batch rule: Typical ranges are for RFQ preparation; final specification is subject to available batch COA
- Order data: Quantity, ó ng g ó i, i m n, ng d ng and expected delivery time

- Documents: COA, photos, ó ng g ó i details and batch data when needed

RFQ preparation

For GPC than c c d u m graphit h ó a, send product name, ch ti ê u m c ti ê u, s l ng, ó ng g ó i, i m n and ng d ng before requesting price.